

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày 28-9-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vương Quang Ninh và ông Triệu Đức Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vi Văn Tàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thăng Long và ông Tô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST - HS ngày 23 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Đức M**; sinh ngày 21/01/1965 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 03/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L và bà Giáp Thị V (đã chết); có vợ là Trần Thị N, có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn G**; sinh ngày 02/4/1993 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đức M và bà Trần Thị N; có vợ là Lương Thị L, có 02 con, đều sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/5/2022, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

**\* Nguyên đơn dân sự:**

**Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Q;** địa chỉ: Số 354 đường H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Q. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Khiếu Anh T – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (theo văn bản ủy quyền lập ngày 10/6/2022); vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Chu Vĩnh H; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

- Ông Hoàng Văn H1; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Q có mặt.

**\* Người làm chứng:**

- Chị Lương Thị L; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, Hoàng Đức Minh được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 425326 đối với thửa đất tại lô 37 và 37a (nay là lô 45) thuộc thôn H, xã Đ, huyện B với diện tích 19.000 m<sup>2</sup> mục đích sử dụng là trồng rừng và khoanh nuôi bảo vệ rừng, thời hạn sử dụng 50 năm. Tại lô 37 có diện tích 8000 m<sup>2</sup> là diện tích được cấp để trồng rừng nên đã được M trồng cây thông lấy nhựa, tại lô 37a diện tích 11.000 m<sup>2</sup> là rừng tự nhiên được giao khoanh nuôi bảo vệ. Từ năm 2009 đến năm 2014, M được Nhà nước trả tiền công trông coi quản lý đối với diện tích rừng trên với số tiền là 600.000 đồng/năm. Cuối năm 2021, M giao cho con trai là Hoàng Văn G trông coi, quản lý, sử dụng toàn bộ 19.000 m<sup>2</sup> tại lô 37 và lô 37a. Mặc dù biết đây là rừng có cả diện tích được nhà nước giao khoanh nuôi, bảo vệ nhưng G đã nảy sinh ý định chặt phá rừng tại lô 37a để lấy mặt bằng trồng cây quế nên đã xin phép M thì được M đồng ý. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/02/2022 đến đầu tháng 3/2022, G, M cùng vợ G là Lương Thị L sử dụng dao quả, cưa máy chặt phá rừng tại lô 37a. Đồng thời còn chặt phá lấn sang các lô liền kề đều là rừng tự nhiên được nhà nước giao, khoanh nuôi, bảo vệ, gồm: lô 41 với diện tích 1.625 m<sup>2</sup> (một nghìn sáu trăm hai mươi năm mét vuông) rừng giao cho ông Hoàng Văn H1 và lô 47 với diện tích 4.022 m<sup>2</sup> (Bốn nghìn không trăm hai mươi hai mét vuông) rừng giao cho ông Chu Vĩnh H. Ngày 05/3/2022, trong quá trình tuần tra kiểm soát, Hạt kiểm lâm huyện B phát hiện tại khoảnh 5, tiểu khu 129, thuộc thôn H, xã Đ bị hủy hoại trái phép 12.850 m<sup>2</sup> (mười hai nghìn tám trăm năm mươi mét vuông) rừng tự nhiên nên đã báo cơ quan chức năng điều tra xử lý. Đến ngày 17/5/2022, Hoàng Văn G đến Công an huyện B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 15/3/2022, thể hiện: Vị trí cây rừng bị chặt phá tại tại lô 41, lô 45, lô 47, khoảnh 5 tiểu khu 129 thuộc thôn H, xã Đ, huyện B: Có tổng diện tích bị chặt phá là 12.850 m<sup>2</sup>, lâm sản bị thiệt hại gồm 432 cây gỗ rừng tự nhiên, có khối lượng: 24,724 m<sup>3</sup> và 8.096 cây tre bị chặt hạ tại 03 vị trí: Vị trí 01 (thuộc lô 41, thửa 198, khoảnh 5, tiểu khu 129) do ông Hoàng Văn H1 được nhà nước giao, quản lý bảo vệ, diện tích liền vùng là 1.625 m<sup>2</sup> có 64 cây gỗ bị chặt hạ, khối lượng 2,244 m<sup>3</sup>, tổng số cây tre bị chặt hạ 1.024 cây; Vị trí 02 (thuộc lô 45, thửa 205, khoảnh 5, tiểu khu 129) do ông Hoàng Đức M được nhà nước giao, quản lý bảo vệ có diện tích liền vùng là 7.203 m<sup>2</sup>, có 309 cây gỗ bị chặt hạ, khối lượng 17,865 m<sup>3</sup>, tổng số cây tre bị chặt hạ 4.538 cây; Vị trí 03 (thuộc lô 47 thửa 212, khoảnh 5, tiểu khu 129) do ông Chu Vĩnh H được nhà nước giao, quản lý bảo vệ có diện tích liền vùng là 4.022 m<sup>2</sup>, có 59 cây bị chặt hạ, khối lượng 4,615 m<sup>3</sup>, tổng số cây tre bị chặt hạ 2.534 cây.

Dấu vết để lại tại 03 vị trí: Số cây rừng tự nhiên, cây tre bị chặt hạ được xác định hủy hoại bằng dao, cưa, các thân cây bị chặt hạ nằm đổ tại gốc chặt; tán cây nằm phủ trên mặt đất, lá đã khô héo, chưa rụng. Các vị trí 01, 02, 03 có hiện trạng là “TXP rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi” thuộc quy hoạch rừng sản xuất.

Tại bản kết luận giám định số 464/KL-TGD ngày 22/4/2022, của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Diện tích 12.850 m<sup>2</sup> cây rừng tự nhiên bị chặt hạ tại vị trí lô 41, lô 45, lô 47, khoảnh 5 tiểu khu 129 thuộc thôn H, xã Đ, huyện B là rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất, là rừng nghèo kiệt (trữ lượng cây đứng từ 10 đến 50 m<sup>3</sup>/ha). Vị trí 01 thuộc lô 41, khoảnh 5, tiểu khu 129 có diện tích rừng tự nhiên bị hủy hoại là 1.625 m<sup>2</sup>; vị trí 02 thuộc lô 45, khoảnh 5, tiểu khu 129 có diện tích rừng tự nhiên bị hủy hoại là 7.203 m<sup>2</sup>; vị trí 03 thuộc lô 47, khoảnh 5, tiểu khu 129 có diện tích rừng tự nhiên bị hủy hoại là 4.022 m<sup>2</sup>. Tổng khối lượng gỗ của cây rừng bị hủy hoại tại 03 vị trí là 24,724 m<sup>3</sup>. Số cây rừng tự nhiên bị chặt hạ 432 cây thân gỗ không có loài cây thuộc “Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 13/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Chẽ, kết luận:

- Khối lượng gỗ thiệt hại tính cho 01 ha:  $24,724 \text{ m}^3 : 1,285 \text{ ha} = 19,240 \text{ m}^3$
- Giá trị lâm sản (01ha):  $20.987.386 + (62.962.157 - 20.987.386) : (50 - 10) \times (19,240 - 10) = 30.683.558 \text{ đồng}$ .
- Giá trị môi trường (bằng giá trị của rừng về lâm sản nhân với hệ số K, đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên K là 3):  $30.683.558 \times 3 = 92.050.674 \text{ đồng}$ .
- Tiền bồi thường thiệt hại đối với người có hành vi vi phạm pháp luật gây ra thiệt hại về rừng (01ha):  $30.683.558 \text{ đồng} + 92.050.674 \text{ đồng} = 122.734.232 \text{ đồng/ha}$
- Tiền bồi thường thiệt hại đối với người có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đối với rừng nghèo trữ lượng từ 10 -< 50m<sup>3</sup> (19,240 m<sup>3</sup>/ha), với diện tích 1,285 ha là:  $1,285 \text{ ha} \times 122.734.232 = 157.713.488 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền bồi thường thiệt hại 157.713.488 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng)

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Đức M và Hoàng Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra M, G còn khai: Cả hai đều biết rừng ở lô 37a là rừng tự nhiên được Nhà nước giao khoán nuôi, bảo vệ nhưng để tăng thêm diện tích trồng rừng, G đã đề xuất với M về việc chặt, phá rừng để G mở rộng diện tích trồng thêm quê thì được M đồng ý và bảo G tìm hoặc thuê thêm người đi phát rừng cho nhanh nên sau đó G đã về rủ vợ mình là Lương Thị L đi cùng để phát rừng; việc M, G và vợ G chặt phá rừng thì M và G chưa xin phép chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền; quá trình điều tra vụ án, sau khi xác định vị trí, ranh rới bằng thiết bị máy, M và G mới biết đã chặt phá lấn sang một phần diện tích rừng của ông Hoàng Văn H1 và Chu Vĩnh H ở liền kề. G còn khai nhận thêm: khi G rủ vợ mình là Lương Thị L cùng G đi phát rừng thì G nói với chị L đây là diện tích rừng bố G cho vợ chồng G mượn và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị L tin tưởng và không hỏi gì thêm. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, M và G thống nhất với nhau về trách nhiệm bồi thường và G đã nộp toàn bộ số tiền 157.713.488 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn, bốn

trăm tám mươi tám đồng) vào Chi cục thi hành án dân sự huyện B để bồi thường thiệt hại cho Nhà nước do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Đại diện cho nguyên đơn dân sự, vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân huyện B, các lời khai trong giai đoạn điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/9/2022 có quan điểm thể hiện: Diện tích rừng mà M và G chặt phá đã được Nhà nước giao cho cá nhân các ông Hoàng Đức M, Hoàng Văn H1 và Chu Vĩnh H theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho các cá nhân này theo sơ đồ cụ thể. Tại các vị trí M và G chặt, phá như nội dung vụ án nêu trên đều thuộc diện tích rừng được giao với mục đích khoanh nuôi, bảo vệ, được quy hoạch là rừng sản xuất. Đại diện cho nguyên đơn dân sự đề nghị các bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra theo quy định của pháp luật, như nội dung Bản kết luận định giá đã xác định.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H1 và ông Chu Vĩnh H tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa có lời khai thể hiện: Các vị trí và diện tích rừng tự nhiên mà M và G đã chặt phá thuộc lô 41 và lô 47 như nội dung vụ án nêu trên, thuộc diện tích rừng mà ông H và ông H được Nhà nước giao khoanh nuôi, bảo vệ, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì giáp ranh với diện tích rừng của ông M nên trong khi chặt phá rừng, các bị cáo đã phát lân sang rừng của ông H1 tại lô 41 với diện tích 1.625 m<sup>2</sup> và rừng của ông H tại lô 47 với diện tích 4.022 m<sup>2</sup>. Ông H1 và ông H đều không có yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với các bị cáo.

Người làm chứng Lương Thị L có lời khai tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thể hiện: Sau khi được G rủ đi phát rừng, trong khoảng thời gian từ ngày 10/02/2022 đến đầu tháng 3/2022 chị L đã tham gia cùng M và G dùng dao, cưa phát rừng như nội dung vụ án đã nêu ở trên. Nhưng trước khi đi G nói với chị L đây là diện tích rừng được bố chồng chị L giao cho vợ chồng chị L quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị L đồng ý. Chị L không hỏi thêm G về việc đi phát loại rừng gì, cũng không hỏi Giang đã xin phép cơ quan chức năng hay chưa.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSBC ngày 22 tháng 08 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị can Hoàng Đức M và Hoàng Văn G, về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Đức M từ 21 (hai mươi một) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 06/5/2022); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn G từ 18 (mười tám) đến 21 (hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) đến 42

(bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự: buộc các bị cáo Hoàng Đức M và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho Nhà nước (do Ủy ban nhân dân huyện B làm đại diện) tổng số tiền 157.713.488 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) nhưng được trừ vào số tiền 157.713.488 đồng các bị cáo đã nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (dạng dao quắm), chiều dài cả cán dao và lưỡi dao là 51 cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ; 01 con dao (dạng dao quắm), chiều dài cả cán dao và lưỡi dao là 53 cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ; 01 lưỡi cưa bằng kim loại, chiều dài 1,48 m, chiều ngang lưỡi cưa là 9,5 cm. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 Máy cưa, nhãn hiệu Husqvarna 445 màu đỏ, cam, chiều dài 80 cm, lưỡi cưa bằng kim loại, gắn dây xích, rộng 9,5 cm. Giao toàn bộ số cây gỗ rừng tự nhiên và cây tre bị chặt hạ trên diện tích 12.850 m<sup>2</sup> tại lô 41, 45 và 47, khoảnh 5, tiểu khu 129 thuộc thôn H, xã Đ, huyện B, gồm: 432 (bốn trăm ba mươi hai) cây gỗ rừng tự nhiên và 8.096 (tám nghìn không trăm chín mươi sáu) cây tre cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B xử lý theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với sơ đồ, bản ảnh, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/2/2022 đến đầu tháng 3/2022, tại lô 41, lô 45, lô 47, khoảnh 5 tiểu khu 129 thuộc thôn H, xã Đ, huyện B, các bị cáo Hoàng Đức M, Hoàng Văn G dùng dao quắm, cưa máy chặt phá 12.850m<sup>2</sup> (1,285ha) rừng tự nhiên, độ tàn che 0,26 có hiện trạng là “Rừng gỗ tự nhiên

núi đất LRTX (lá rộng thường xanh) phục hồi, ký hiệu là TXP”, thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên bị hủy hoại, do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Q giao cho các cá nhân gồm: bị cáo Hoàng Đức M, ông Hoàng Văn H1 và ông Chu Vĩnh H với mục đích trồng rừng và khoanh nuôi bảo vệ; tổng giá trị lâm sản và giá trị môi trường bị hủy hoại là 157.713.488 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng). Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Ba Chẽ truy tố bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật.

**[3] Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

...

*đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 50.000 mét vuông ( $m^2$ )”.*

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước và, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, xâm hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét tính chất của đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm nhưng không có sự phân công, câu kết chặt chẽ mà nhất thời phạm tội nên là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Hoàng Đức M được Nhà nước trực tiếp giao rừng, biết rõ diện tích rừng chưa phát là rừng tự nhiên chỉ được khoanh nuôi, bảo vệ nhưng khi nghe Hoàng Văn G đề nghị phát rừng để G lấy diện tích trồng cây quế thì không những M không ngăn cản G mà đồng ý cho G phát rừng và còn bảo Giang tìm hoặc thêm người đi phát cùng với M và G. Đồng thời bị cáo M cũng là người thực hành trực tiếp, tham gia chặt, phá rừng ngay từ đầu, do đó bị cáo M có vai trò cao hơn bị cáo G.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội đều không có tình tiết tăng nặng.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị cáo Minh có bố đẻ là người có công với cách mạng, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận; bị cáo Giang sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Vì vậy, Hội

đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[7] Về hình phạt:

[7.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 (theo các điểm b, s) Điều 51 của bộ luật hình sự, mặt khác nguyên nhân phạm tội cũng có phần do điều kiện kinh tế khó khăn, mục đích các bị cáo chặt, phá rừng là để bị cáo G mở rộng diện tích canh tác, nuôi sống bản thân và gia đình nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết cho các bị cáo được áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên dù có xem xét giảm nhẹ đến đâu vẫn cần thiết phải cách ly bị cáo Hoàng Đức M ra khỏi xã hội một thời gian nhất định không những nhằm trừng trị, nêu gương cho người khác mà còn để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt.

Đối với bị cáo Hoàng Văn G có vai trò sau trong vụ án, phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục bị cáo với một thời gian thử thách phù hợp, điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt. Trường hợp bị cáo vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong thời gian thử thách thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[7.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng xét thấy các bị cáo không đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại):

Nguyên đơn dân sự đề nghị các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật, số tiền các bị cáo phải bồi thường như nội dung Bản kết luận định giá đã kết luận là 157.713.488 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo G đã thay mặt cho các bị cáo, tự nguyện nộp đủ số tiền 157.713.488 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho Nhà nước do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Xét thấy đây là quan hệ dân sự, các bên tự nguyện thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không trái với pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu hoặc đề nghị gì về tài sản hoặc có yêu cầu gì khác đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 con dao (dạng dao quắm), chiều dài cả cán dao và lưỡi dao là 51 cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ; 01 con dao (dạng dao quắm), chiều dài cả cán dao và lưỡi dao là 53 cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không có giá trị cần tịch thu, tiêu hủy; 01 lưỡi cưa bằng kim loại, chiều dài 1,48 m, chiều ngang lưỡi cưa là 9,5 cm của bị cáo Giang nhưng bị cáo không đề nghị nhận lại cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với: 01 Máy cưa, nhãn hiệu Husqvarna 445 màu đỏ, cam, chiều dài 80 cm, lưỡi cưa bằng kim loại, gắn dây xích, rộng 9,5 cm là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với toàn bộ số cây gỗ rừng tự nhiên và cây tre bị chặt hạ trên diện tích 12.850 m<sup>2</sup> tại lô 41, 45 và 47, khoảnh 5, tiểu khu 129 thuộc thôn H, xã Đ, huyện B, gồm 432 (bốn trăm ba mươi hai) cây gỗ rừng tự nhiên và 8.096 (tám nghìn không trăm chín mươi sáu) cây tre các bị cáo đều không yêu cầu nhận để sử dụng nên cần giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B xử lý theo quy định.

[10] Đối với Lương Thị L trước khi tham gia cùng M và G phát rừng, G đã nói với chị L là đi cùng để phát rừng của bố chồng đã được cấp sổ đỏ giao cho G quản lý thì được chị L đồng ý, nên không đủ căn cứ xử lý về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ không truy tố, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo; nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức M phạm tội “Hủy hoại rừng”

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức M 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 06/5/2022).

2. Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn G phạm tội “Hủy hoại rừng”

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn G 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn G cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Hoàng Đức M và Hoàng Văn G phải liên đới bồi thường cho Nhà nước (do Ủy ban nhân dân huyện B làm đại diện) tổng số tiền là 157.713.488 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng) nhưng được trừ vào số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền 7.713.488 đồng (bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng) các bị cáo đã tự nguyện nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q theo biên lai thu tiền số 0006757 ngày 19/7/2022 và biên lai thu tiền số 0006758 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q.

4. Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (dạng dao quắm), chiều dài cả cán dao và lưỡi dao là 51 cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ; 01 con dao (dạng dao quắm), chiều dài cả cán dao và lưỡi dao là 53 cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ; 01 lưỡi cưa bằng kim loại, chiều dài 1,48 m, chiều ngang lưỡi cưa là 9,5 cm. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 Máy cưa, nhãn hiệu Husqvarna 445 màu đỏ, cam, chiều dài 80 cm, lưỡi cưa bằng kim loại, gắn dây xích, rộng 9,5 cm. Tình trạng vật chứng như Biên bản giao vật chứng, tài sản lập ngày 20/9/2022, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ và Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q.

Giao toàn bộ số cây gỗ rừng tự nhiên và cây tre bị chặt hạ trên diện tích 12.850 m<sup>2</sup> tại lô 41, 45 và 47, khoảnh 5, tiểu khu 129 thuộc thôn H, xã Đ, huyện B, gồm: 432 (bốn trăm ba mươi hai) cây gỗ rừng tự nhiên và 8.096 (tám nghìn không trăm chín mươi sáu) cây tre cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q xử lý theo quy định. Tình trạng, vị trí các cây gỗ và cây tre như Biên bản giao, nhận vật chứng, đồ vật ngày 15/3/2022, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q.

5. Căn cứ vào: Điều 123; Điều 124; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đang được áp dụng đối với bị cáo Hoàng Văn G.

6. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Hoàng Đức M và Hoàng Văn G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào: các khoản 1, 3 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Ba Chẽ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Chẽ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Chẽ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Ba Chẽ;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quyền**